Vikki Digital Bank Securities

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Thứ Ba, 17 Tháng Mười Một 2026

Dữ liệu thị trường ngày 17/11/2026

Tổng quan	VN-Index	HNX-Index
Chỉ số	1.726,72	248,6
Thay đổi (điểm)	-10,17	-6,31
Thay đổi (%)	-0,59	-2,48
KLGD (triệu cp)	636	43
GTGD (tỷ đồng)	14.961	583

NĐT nước ngoài giao dịch ròng

HOSE	-359,42	*(tỷ đồng)*
HNX	-13,08	*(tỷ đồng)*
UPCOM	-10,41	*(tỷ đồng)*

VN-Index



Top cổ phiếu ảnh hưởng VNINDEX

Ảnh hưởng tích cực:

MCH, STB, POW, VPL,...

Ảnh hưởng tiêu cực:

VCB, GAS, BSR, VHM,...

SỨC ÉP TỪ NHÓM BLUECHIPS, VNINDEX ĐIỀU CHỈNH VỀ 1.726,72 ĐIỂM

Chuyển động thị trường và dự báo:

Phiên giao dịch ngày 17/11 chịu áp lực điều chỉnh diện rộng, chủ yếu từ sức ép bán tại nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Độ rộng thị trường nghiêng về phe bán với số lượng mã giảm đạt 402 mã so với 256 mã tăng. Năng lượng dẫn đầu nhóm có ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường hôm nay với hiệu suất ngành giảm 3,83%, tiêu biểu là BSR (-4,72%), PLX (-3,51%). Theo sau là Công nghệ thông tin (-1,90%) và Nguyên vật liệu (-1,8%) khi áp lực bán diễn ra ở các mã đầu ngành như FPT (-1,82%), HPG (-0,24%), GVR (-2,78%), MSR (-7,07%). Trong bối cảnh đó, Tài chính (-0,69%) ghi nhận sự phân hóa và điều chỉnh nhẹ theo xu hướng chung của thị trường. Sắc đỏ xuất hiện tại các mã VCB (-2,07%), BID (-2,05%) thuộc nhóm Ngân hàng. Tuy nhiên, sự bền bỉ của nhóm Chứng khoán (VIX +0,39%, SSI giữ giá tham chiếu) và câu chuyện tái cấu trúc của STB (+1,12%) cho thấy nền tảng của ngành Tài chính vẫn vững vàng. Kết phiên, chỉ số VN-Index giảm 10,17 điểm (-0,59%) và đóng cửa ở mức 1.726,72 điểm.

Thanh khoản toàn thị trường đạt 14.961 tỷ đồng, tăng 25,97% so với phiên giao dịch trước đó. Khối ngoại đảo chiều bán ròng với tổng giá trị là 382,92 tỷ đồng, tập trung bán mạnh các mã FPT (147 tỷ đồng), VCB (102 tỷ đồng), MBB (65 tỷ đồng). Trái lại, các mã được mua vào mạnh nhất là MSN (147 tỷ đồng), POW (54 tỷ đồng), HPG (51 tỷ đồng).

Nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng danh mục ở mức an toàn, tránh tâm lý bán tháo khi chỉ số kiểm định vùng hỗ trợ 1.720 điểm, đồng thời tận dụng các nhịp rung lắc trong phiên để tối ưu hóa giao dịch.

CỔ PHIẾU QUAN TÂM: MWG, CTG, DHC, HPG, VPB, GMD, MBB, DXP.



Danh sách khuyến nghị tháng 11.2026

Mã cổ phiếu	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ
MWG	80.000	69.000
CTG	35.000	29.800
DHC	40.000	34.800
HPG	22.800	19.900
VPB	24.400	21.200
GMD	58.000	49.300
MBB	21.200	18.300
DXP	16.500	13.800

Danh sách công bố ngày 09/11/2026, VikkibankS.vn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Vùng mua	Mục tiêu	Cắt lỗ	Giá bán	Ngày bán	Tỷ suất sinh lời	Trạng thái
DHC	13/11/2026	~37.350-38.500	~38.500-41.000	<35.000			-2,94%	Nắm giữ
GMD	11/11/2026	~53.700-60.000	~58.000-70.000	<50.000			-3,35%	Nắm giữ
POW	09/11/2026	~12.500-14.000	~13.500-14.800	<11.500			6,00%	Nắm giữ
DGW	28/10/2026	~46.000-50.000	~50.000-55.000	<40.000	40.000	02/11/2026	-13,04%	Cắt lỗ
TCB(*)	27/10/2026	~21.100-22.000	~23.000-23.900	< 30.000			+0,24%	Nắm giữ
CTD	25/09/2026	~58.500	~62.000-68.000	< 51.000	67.000	23/10/2026	+8,06%	Chốt lãi
FRT	30/09/2026	~144.000	~157.000-172.000	< 130.000			+1,39%	Nắm giữ

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 11.2026 (*):

Mã	Thông tin	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa tại ngày khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Tỷ suất sinh lời kỳ vọng
MWG	- Mảng ĐMX, Q3, LNST tăng 6% QoQ và 105% YoY, biên gộp đạt 20,4% so với 16,7% cùng kỳ 2025. Ban lãnh đạo đặt mục tiêu LNST 2026 ĐMX 10 nghìn tỷ (+64% YoY) và có thể đạt hơn 10,5 nghìn tỷ, tương tự MWG lợi nhuận Q4 tương đương hoặc tăng nhẹ so với Q3. BHX vượt 1.500 cửa hàng mở mới, tập trung ở miền Bắc, đạt EBIT cửa hàng dương sau 3-6 tháng.	09/11/2026	72.300	80.000	69.000	**10,7%**
CTG	-KQKD Q3, LNTT đạt 13,7 nghìn tỷ, giảm 7,1% QoQ, tăng 29% YoY. NIM Q3 3,01% so với 2,6% của Q2 và thu nhập ngoài lãi tăng 28% YoY. Nợ xấu 1,2% và chi phí dự phòng tăng 33% YoY, bao nợ xấu đạt 160% (Q2: 134%), tín dụng +7,4% YTD.	09/11/2026	31.650	35.000	29.800	**10,6%**
DHC	- KQKD Q3, Doanh thu 1.093 tỷ đồng (+17% YoY), LNST 149 tỷ đồng (+50% YoY). Doanh thu giấy bao bì 834 tỷ đồng (+5% QoQ, +15% YoY), giá bán tăng 3% QoQ và 7% YoY. Doanh thu thùng carton 263 tỷ đồng (+2% QoQ, +42% YoY), giá bán tăng 3% QoQ và 13%YoY. Biên lãi gộp thu hẹp do chi phí giá giấy OCC đầu vào tăng khoảng 15% so với quý 2.	09/11/2026	36.400	40.000	34.800	**9,9%**
HPG	-KQKD Q3, Doanh thu 62,2 nghìn tỷ (+13% QoQ, 71% YoY), LNST 8,2 nghìn tỷ (+29% QoQ, 106% YoY). S.lượng thép xây dựng 1,34 triệu tấn (+2% QoQ, +26% YoY), thép HRC 2,08 triệu tấn (+8% QoQ, +64% YoY). Biên gộp cải thiện với giá bán trung bình +6% QoQ và +27% YoY. Xuất khẩu 1,2 triệu tấn (+65% QoQ và 165% YoY), trong đó HRC 512k tấn (+210% YoY).	09/11/2026	20.900	22.800	19.900	**9,1%**
VPB	-KQKD Q3, LNTT 11 nghìn tỷ (+0,6% QoQ; +20,3% YoY). Tổng huy động tăng 34% YTD, +9,4% QoQ. Tín dụng +4% QoQ, +28% YTD. VPBankS đạt LNTT 843 tỷ (-60,9% QoQ, -64,3% YoY) do hoạt động tự doanh lỗ, FECredit đạt LNTT 159 tỷ (+111% QoQ, -26,5% YoY), OPES 317 tỷ (-10,2% QoQ, +37,5% YoY). Nợ xấu 3,12% (so với 2,96% Q2), nợ N2 tăng mạnh.	09/11/2026	22.250	24.400	21.200	**9,7%**
GMD	- KQKD Q3, Doanh thu 2.210 tỷ (+25% QoQ và +42% YoY), LNST 444 tỷ đồng (-61% QoQ và +41% YoY), lợi nhuận giảm QoQ do không còn lãi thoái vốn và tăng mạnh YoY do nền thấp năm ngoái. Biên gộp giảm còn 31,8% Q3 (Q2.26: 52,5% và Q3.25: 42,7%) do chi phí tăng từ việc hợp nhất các cty logistics trong Q2. Gemalink lãi giảm 6% QoQ do thuê bãi ngoài.	09/11/2026	52.700	58.000	49.300	**10,1%**
MBB	- KQKD Q3, LNTT 10,3 nghìn tỷ (+42,5% YoY). Tín dụng tăng 4,9% QoQ và 18,8% YTD. Huy động +16,9% YTD, trong đó tiền gửi +7,9% YTD và giấy tờ có giá +62% YTD. NIM Q3 4,11% (Q2: 4,07%), Nợ xấu 1,67% (Q2: 1,45%), LLR 84,7% (Q2: 93,6%).	09/11/2026	19.300	21.200	18.300	**9,8%**
DXP	- KQKD Q3, Doanh thu 398 tỷ (+128% YoY), LNST 57,6 tỷ (-12% QoQ,+99% YoY). Doanh thu cảng biển 81 tỷ (+14% QoQ, +80% YoY), sản lượng +15% YoY. Nhựa đường d.thu 268 tỷ (+29% QoQ, +120% YoY). Vận tải biển d.thu 49 tỷ đồng.	09/11/2026	14.800	16.500	13.800	**11,5%**

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 11.2026 (*):

Danh mục T11.2026 so với T10.2026, chúng tôi loại DGW, trong khi thêm mới HPG, giữ nguyên MWG, CTG, DHC, MBB, DXP, VPB, GMD.

- *Chúng tôi loại **DGW** sau khi KQKD đã được phản ánh vào giá cp, doanh thu tăng 51,5% YoY nhưng biên lợi nhuận gộp còn 8,4% so với 13% của Q2, điều này do doanh thu tăng trưởng từ mảng ICT có biên gộp thấp và lợi thế hàng tồn kho giá thấp Q2 đã không còn ở Q3, doanh thu tháng 10 giảm 5% YoY và ban lãnh đạo đặt mục tiêu doanh thu Q4 đi ngang so với cùng kỳ. Thêm mới **HPG**, kết quả kinh doanh quý 3 tích cực và được nối dài sang quý 4, ước tính sản lượng T10 HRC tăng 8% so với T9 và thép xây dựng tăng 13% so với T9, trong khi giá bán tháng 10 gần đây đã tăng thêm 100 đồng/kg đối với thép cây và tập trung hàng dự án, cho thấy nhu cầu thép cho các dự án hạ tầng đang gia tăng, ước tính hiệu suất thép xây dựng của HPG đạt 110% và xấp xỉ 100% với HRC.*
- *Đối với nhóm ngân hàng, chúng tối tiếp tục giữ **MBB, VPB và CTG** trong danh mục. MBB và VPB có dư địa tăng tốc cho vay cuối năm nhờ room tín dụng cao hơn ngành, gần đây NHNN triển khai Swap ngoại tệ với giá trị 2 tỷ USD cho các ngân hàng có dư nợ vay quốc tế điều này góp phần có lợi cho MBB và VPB. Trong khi CTG cho thấy tăng trưởng tín dụng chọn lọc phù hợp với huy động, NIM cải thiện mạnh mẽ trong Q3 và tỷ lệ bao nợ xấu trở lại mức 160%, chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng Q4 mạnh hơn nhờ (i) giảm trích lập, (ii) thúc đẩy cho vay, (iii) tăng dư nợ đối với bđs và hạ tầng, bù đắp cho NIM bị ảnh hưởng khi các ngân hàng quốc doanh chịu tác động lớn hơn từ việc NHNN yêu cầu giảm lãi suất.*
- *Đối với **GMD**, lợi nhuận thấp hơn kỳ vọng trong Q3 do biên gộp thu hẹp khi hợp nhất Gemadept Shipping và Mekong Logistics có biên lãi thấp, Q3 sản lượng Nam Đình Vũ 335k teus (-4% QoQ, -10% YoY) do cạnh tranh với cảng Lạch Huyện nhưng NĐV đã bổ sung 2 tuyến dịch vụ mới vào tháng 6 và 9, và dự kiến thêm 1 tuyến tháng 11; cảng Gemalink (GML1) sản lượng Q3 620k teus (+8% QoQ, 24% YoY), lợi nhuận giảm 6% so với Q2 do việc xây dựng GML2 làm giảm diện tích kho bãi của GML1 và phải đi thuê bãi ngoài dẫn đến ảnh hưởng biên lợi nhuận, sản lượng T10 đạt 200k teus, chúng tôi kỳ vọng sản lượng NĐV sẽ cải thiện trong thời gian tới nhờ các tuyến dịch vụ mới được lấp đầy, trong khi GML1 hạn chế việc thuê bãi ngoài để phục hồi biên lợi nhuận, giá cp sau khi đạt mục tiêu trong T10 đã giảm trở lại và có mức chiết khấu hợp lý hơn.*
- *Đối với **DXP**, kỳ vọng doanh thu cảng biển ổn định trong Q4 so với Q3, mảng nhựa đường có biên lãi gộp trong Q3 còn 11% (so với Q2: 21%) do giá đầu vào tăng mạnh, DXP đã tích trữ hàng tồn kho Q3 gấp 2,8 lần Q2 và chúng tôi kỳ vọng các dự án hạ tầng đẩy mạnh hoàn thành cuối năm giúp thúc đẩy nhu cầu nhựa đường, trong khi mảng vận tải lấp đầy công suất 2 tàu với ước tính mang lại doanh thu khoảng 60 tỷ. Đối với **DHC**, doanh thu tháng 10 khoảng 394 tỷ, lợi nhuận T10 theo ban lãnh đạo chia sẻ khoảng 42 tỷ và mục tiêu thận trọng lợi nhuận 40 tỷ/tháng trong 2 tháng 11 và 12, giá bán tăng khoảng 300đ/kg vào tháng 10 để bù đắp cho giá nguyên liệu đầu vào OCC tăng, chúng tôi kỳ vọng hoạt động xuất nhập khẩu và mùa mua sắm cuối năm thúc đẩy nhu cầu giấy bao bì nhiều hơn. Đối với **MWG**, tại cuộc họp nhà đầu tư, ban lãnh đạo cho rằng Q4 lợi nhuận có thể tương đương hoặc tăng nhẹ so với Q3, tức là Q4 tăng từ 49% YoY trở lên, và ước tính BHX đã mở trên 1.700 cửa hàng trong 10T2026, tốc độ mở mới 2 tháng 9 và 10 gấp 2,8 lần của 8 tháng đầu năm, tương đương 700 cửa hàng trong T9+T10, với EBIT dương cấp độ cửa hàng sau 3-6 tháng.*
- *Về thị trường, như đã đề cập Danh mục tháng 10 (05/10) cho thấy vừa qua là một tháng đầy biến động của nhiều sự kiện, và cũng là thời điểm thị trường rung lắc mở ra cơ hội tích lũy cho nhịp tăng mới, chúng tôi giữ quan điểm này sang tháng 11, khi thị trường được hỗ trợ bởi nhiều thông tin (1) giải ngân đầu tư công tăng tốc trong 4 tháng gần nhất, (2) FDI tháng 10 tiếp tục tích cực, (3) thặng dư xuất khẩu 7,3 tỷ USD trong T10, (4) NHNN yêu cầu giảm lãi suất quyết liệt, (5) lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ, giá dầu và lạm phát giảm tăng dư địa cho chính sách kích thích kinh tế của VN, (6) kỳ vọng có thêm những đợt Swap ngoại tệ thời gian tới để đáp ứng nhu cầu vốn cuối năm, (7) giảm giá điện 2%, giảm thuế tiêu thụ đặc biệt xăng còn 0%, giảm 30% thuế TNDN cho doanh nghiệp có doanh thu không quá 10 tỷ/năm. Những yếu tố này cũng là chủ điểm đầu tư mà chúng tôi lựa chọn trong tháng 11, khi thông tin hỗ trợ cho tăng trưởng 2 tháng cuối năm nhiều hơn so với trước đó.*
- *Dù vậy, chúng tôi vẫn nhấn mạnh sự thận trọng, những yếu tố bất ổn còn hiện hữu và khó đoán bao gồm (1) căng thẳng địa chính trị giữa Iran-Mỹ vẫn khó đoán nhưng kỳ vọng dưới thời Đảng Dân chủ nắm lưỡng viện Quốc hội Mỹ giúp hạn chế các hoạt động leo thang dẫn tới tăng chi tiêu quốc phòng, (2) sau đợt tăng lãi suất vào tháng 9, FED giữ nguyên trong tháng 10 góp phần đưa lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ giảm, nhưng xác suất FED tăng lãi suất tháng 12 mạnh hơn sau dữ liệu kinh tế của tháng 10 công bố gần đây có thể ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán.*
- *Vnindex hiện giao dịch với P/E khoảng 10,6 lần, xấp xỉ các đợt năm 2020 và 2022, nhưng nếu loại trừ nhóm Vingroup (VRE, VPL, VHM, VIC) thì P/E còn khoảng 9,2 lần – mức thấp nhất kể từ 2012 đến nay. Mức này tương đương E/P (Earnings Yield) khoảng 10%, có vẻ hấp dẫn so với lãi suất tiền gửi khoảng 9% hiện nay. Thêm nữa, chúng tôi cho rằng, trong bối cảnh lãi suất dù có giảm nhưng khả năng vẫn còn duy trì nền cao, chủ yếu do thiếu các kênh huy động vốn bổ sung và sự phụ thuộc vào tín dụng ngân hàng – để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư. Do đó, thị trường chứng khoán chứng kiến nhiều cổ phiếu đầu ngành nhưng giao dịch với mức P/E thấp và thị trường thiếu thanh khoản. Trong giai đoạn ngắn hạn, chúng tôi ưu tiên chọn những cổ phiếu có chủ điểm đầu tư hưởng lợi nhờ những luận điểm nêu trên, đồng thời định giá hấp dẫn hơn và có những yếu tố để duy trì tăng trưởng Q3 sang Q4. Chúng tôi cho rằng nên duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải, khi thiếu thanh khoản, dòng tiền có xu hướng luân phiên giữa các nhóm ngành và có thể chỉ số dù tăng nhưng ở mức thấp, với các cổ phiếu tăng ngắn. Trong kịch bản tích cực hơn, nhịp tăng của Vnindex có thể kéo dài từ tháng 11 đến đầu năm sau, đây cũng là giai đoạn Vnindex có xác suất tăng trong những năm gần đây (2017-2025). Tóm lại, so với tháng 10, đã có nhiều sự tích cực hơn ở tháng 11 được hỗ trợ bởi nhiều yếu tố, có thể tăng dần khẩu vị rủi ro nhưng cần quản trị danh mục chặt chẽ để chủ động nếu có những yếu tố bất ngờ.*

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG

Thị trường heo hơi: Giá heo hơi giảm từ 56.000–58.000 đồng/kg đầu tháng 10 xuống 43.000–46.000 đồng/kg cuối tháng, trước khi phục hồi lên 50.000–53.000 đồng/kg ngày 17/11. Áp lực giảm giá đến từ nguồn cung tăng, tổng đàn lợn khoảng 32 triệu con (+5,1% YoY), sức tiêu thụ suy yếu và thịt nhập khẩu tăng 18,8% về lượng trong 8 tháng. Bước vào mùa cao điểm cuối năm và Tết 2027, giá có thể tiếp tục phục hồi nhẹ, nhưng khó tăng đột biến do nguồn cung vẫn dồi dào và cạnh tranh từ thịt nhập khẩu.

TCH: Trong phiên 11/11, nhóm quỹ liên quan Dragon Capital mua ròng 1,38 triệu cổ phiếu TCH, nâng tỷ lệ sở hữu từ 4,9% lên trên 5%. Cụ thể, Hanoi Investments Holdings mua 900.000 cổ phiếu, Norges Bank mua 600.000 cổ phiếu, trong khi Samsung Vietnam Securities Master Investment Trust bán 120.000 cổ phiếu. Đây là lần đầu nhóm gia tăng sở hữu kể từ chuỗi thoái vốn nửa đầu năm 2026; trước đó, giữa tháng 6, Dragon Capital giảm tỷ lệ nắm giữ từ 5,07% xuống 4,7%.

ACB: Theo công bố ngày 11/11/2026, Principal Global Investors, LLC không còn sở hữu cổ phiếu ACB, giảm từ gần 51,5 triệu cổ phiếu (1,002% vốn điều lệ) tại thời điểm 12/6/2026 về 0 cổ phiếu. Như vậy, quỹ đầu tư nước ngoài này đã thoái toàn bộ lượng cổ phần nắm giữ trong khoảng 5 tháng. Người có liên quan của tổ chức cũng không sở hữu cổ phiếu ACB.

KDH: Khang Điền thông qua điều chỉnh tổng vốn đầu tư dự án 11A tại xã Bình Hưng, TP.HCM, từ 4.770 tỷ lên 12.948 tỷ đồng, tăng 171,4%. Đồng thời, doanh nghiệp góp thêm 2.500 tỷ đồng vào công ty con Khang Phúc, nâng vốn điều lệ từ 6.100 tỷ lên 8.600 tỷ đồng, dự kiến hoàn tất trước 31/12/2026. Dự án có quy mô 16,4 ha, do Khang Phúc sở hữu 100% vốn làm chủ đầu tư. Tại ngày 30/9/2026, Khang Điền đã đầu tư 2.158 tỷ đồng vào dự án.

STB: Sacombank thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ tối đa 10.000 tỷ đồng. Trước đó, ngân hàng đã lên kế hoạch huy động tổng cộng 15.000 tỷ đồng qua 3 đợt từ quý IV/2026 đến quý IV/2027, gồm trái phiếu kỳ hạn 7 và 10 năm, lãi suất thả nổi bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ tối đa lần lượt 3,6% và 3,9%. Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm và đủ điều kiện tính vào vốn cấp 2. Toàn bộ vốn huy động dự kiến dùng cho vay nền kinh tế, trong đó 35% dành cho các lĩnh vực ưu tiên, 65% phân bổ cho các ngành khác.

TP.HCM – Dự kiến giải ngân đầu tư công 244.000 tỷ đồng năm 2027: Thành phố đặt kế hoạch vốn đầu tư công năm 2027 khoảng 244.000 tỷ đồng, trên cơ sở tổng vốn trung hạn 2026–2030 khoảng 1,3 triệu tỷ đồng. Năm 2026, TP.HCM được giao 147.000 tỷ đồng, đã giải ngân 118.278 tỷ đồng sau 10 tháng, đạt 80,1%, dự kiến hoàn thành 105% kế hoạch cả năm. Vốn năm 2027 ưu tiên hạ tầng chiến lược, dự án trọng điểm và an sinh xã hội; riêng nâng cấp hạ tầng 54 xã dự kiến bố trí 29.844 tỷ đồng ngân sách. Nhu cầu đầu tư công giai đoạn 2026–2030 ước 2,8 triệu tỷ đồng, trong đó ngân sách đáp ứng 1,3 triệu tỷ đồng, dự kiến huy động thêm 200.000 tỷ đồng qua trái phiếu.

CTR: Doanh thu đạt 13.759 tỷ đồng (+22% YoY), hoàn thành 88% kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế đạt 704 tỷ đồng (+16% YoY), tương đương 91% mục tiêu. Riêng tháng 10, doanh thu đạt 1.416 tỷ đồng (+8% YoY), lợi nhuận trước thuế 74 tỷ đồng (+17% YoY). Theo lĩnh vực, vận hành khai thác đóng góp 5.310 tỷ đồng (+4% YoY), xây lắp đạt 5.128 tỷ đồng (+35% YoY), giải pháp và dịch vụ kỹ thuật đạt 2.452 tỷ đồng (+51%), trong khi hạ tầng cho thuê đạt 800 tỷ đồng. Giá trị hợp đồng năng lượng mặt trời lũy kế đạt 1.857 tỷ đồng (+74% YoY); ME&ICT đạt 487 tỷ đồng (+33% YoY). Hoạt động Go Global ghi nhận 190 tỷ đồng doanh thu với 25 hợp đồng.

CII: dự kiến trình ĐHĐCĐ bất thường ngày 7/12 chiến lược tập trung vào hạ tầng giao thông PPP và phát triển bất động sản TOD. Danh mục hạ tầng có tổng mức đầu tư sơ bộ 168.800 tỷ đồng, chưa gồm TOD Hàng Xanh, dự kiến tài trợ 20% vốn chủ sở hữu và 80% vốn vay. Hai dự án trọng điểm là mở rộng cao tốc TP HCM – Trung Lương – Mỹ Thuận (36.125 tỷ đồng) và Quốc lộ 13 (6.245 tỷ đồng), mục tiêu khai thác năm 2029. CII cũng đề xuất điều chỉnh trái phiếu chuyển đổi: lãi suất 12% trong 4 kỳ đầu, sau đó thả nổi theo lãi suất tham chiếu cộng 3,5%; giá chuyển đổi tăng từ 10.000 lên 11.500 đồng/cổ phiếu.

VGI: Viettel chính thức được cấp quyền kinh doanh viễn thông tại Cộng hòa Dominica sau khi ký hợp đồng nhượng quyền với Indotel ngày 16/11. Doanh nghiệp được sử dụng 240 MHz phổ tần thuộc các băng 700 MHz, 2.300 MHz và C-Band để triển khai mạng 4G/5G trong 20 năm, với khoản phí ban đầu 16 triệu USD. Dominica trở thành thị trường quốc tế thứ 11 của Viettel. Năm 2025, doanh thu từ các thị trường nước ngoài đạt 3,34 tỷ USD, tăng 23,9%, đánh dấu năm thứ 9 liên tiếp tăng trưởng hai chữ số.

HIỆU SUẤT DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 1+2+3.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 01.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/01/2026	89.800	09/02/2026	89.300	-0,56%	83.800–94.400	-4,23%
CTG	07/01/2026	37.450	09/02/2026	37.100	-0,93%	36.800–43.500	-4,41%
KBC	07/01/2026	35.800	09/02/2026	34.500	-3,63%	33.300–38.200	-4,19%
GMD	07/01/2026	62.700	09/02/2026	71.300	13,72%	61.900–75.000	-4,78%
VPB	07/01/2026	29.250	09/02/2026	26.750	-8,55%	26.650–31.450	-4,96%
DBC	07/01/2026	26.850	09/02/2026	26.750	-0,37%	25.750–29.650	-3,91%
MBB	07/01/2026	26.700	09/02/2026	27.600	3,37%	26.000–28.300	-4,12%
VNINIDEX	07/01/2026	1.861,58	09/02/2026	1.754,82	-5,73%	1.749,87–1.918,46	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 - 09/02					0.43%		-4,37%

Danh sách khuyến nghị tháng 02.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	09/02/2026	89.300	09/03/2026	77.000	-13,77%	77.000–94.300	-5,38%
CTG	09/02/2026	37.100	09/03/2026	33.200	-10,51%	33.200–39.100	-4,85%
KBC	09/02/2026	34.500	09/03/2026	29.900	-13,33%	29.900–36.350	-5,80%
HCM	09/02/2026	22.900	09/03/2026	21.750	-5,02%	21.750–25.750	-5,24%
VPB	09/02/2026	26.750	09/03/2026	24.800	-7,29%	24.800–29.500	-4,67%
DBC	09/02/2026	26.750	09/03/2026	22.900	-14,39%	22.900–27.550	-4,67%
MBB	09/02/2026	27.600	09/03/2026	24.850	-9,96%	24.850–29.500	-5,07%
VNINIDEX	09/02/2026	1.754,82	09/03/2026	1.652,79	-5,81%	1.650,49–1.899,44	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/01 - 09/02					-10,61%		-5,10%

Danh sách khuyến nghị tháng 03.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	09/03/2026	77.000	07/04/2026	78.000	1,30%	74.200–83.900	-7,79%
CTG	09/03/2026	33.200	07/04/2026	33.700	1,51%	32.000–35.750	-7,53%
STB	09/03/2026	60.800	07/04/2026	61.700	1,48%	58.100–69.200	-7,89%
HCM	09/03/2026	21.750	07/04/2026	24.250	11,49%	19.100–24.600	-7,59%
VPB	09/03/2026	24.800	07/04/2026	26.050	5,04%	23.900–27.350	-8,06%
VCB	09/03/2026	57.300	07/04/2026	58.000	1,22%	56.500–62.000	-7,33%
MBB	09/03/2026	24.850	07/04/2026	25.600	3,02%	24.850–27.100	-7,44%
VNINIDEX	09/03/2026	1.652,79	07/04/2026	1.677,54	1,50%	1.586–1.743	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 09/03 - 07/04					3,58%		-7,66%

HIỆU SUẤT DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 4+5+6.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 04.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/04/2026	78.000	07/05/2026	86.000	10,26%	79.800–88.500	-5,13%
CTG	07/04/2026	33.700	07/05/2026	35.800	6,23%	34.300–36.800	-5,04%
GMD	07/04/2026	71.900	07/05/2026	79.500	10,57%	71.000–80.600	-6,12%
MSN	07/04/2026	75.100	07/05/2026	81.000	7,86%	76.100–82.500	-6,13%
VPB	07/04/2026	26.050	07/05/2026	28.150	8,06%	26.500–28.500	-6,72%
KDH	07/04/2026	25.000	07/05/2026	24.200	-3,20%	24.000–26.950	-6,00%
MBB	07/04/2026	25.600	07/05/2026	26.100	1,95%	25.750–27.100	-4,30%
VNINIDEX	07/04/2026	1.677,54	07/05/2026	1.909,01	13,80%	1.706,59–1.924,95	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/04 - 07/05					5,96%		-5,63%

Danh sách khuyến nghị tháng 05.2026 *(*VPB và DGW chia cổ tức tiền mặt lần lượt 500đ/cp và 1.000đ/cp, tỷ suất sinh lời đã bao gồm cổ tức sau thuế)*

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	07/05/2026	86.000	05/06/2026	78.000	-9,30%	74.200-85.900	-5,13%
CTG	07/05/2026	35.800	05/06/2026	33.900	-5,31%	33.700-36.800	-5,04%
DGW*	07/05/2026	44.200	05/06/2026	39.900	-7,58%	39.100-43.000	-6,12%
VGC	07/05/2026	43.850	05/06/2026	41.500	-5,36%	41.500-45.600	-6,13%
VPB*	07/05/2026	28.150	05/06/2026	26.450	-4,35%	25.650-28.250	-6,72%
KDH	07/05/2026	24.200	05/06/2026	22.900	-5,37%	21.600-24.400	-6,00%
MBB	07/05/2026	26.100	05/06/2026	25.000	-4,21%	24.500-26.550	-4,30%
VNINIDEX	07/05/2026	1.909	05/06/2026	1.838,9	-3,67%	1.798-1.933	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 07/05 - 05/06					-5,93%		-5,27%

Danh sách khuyến nghị tháng 06.2026

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG	05/06/2026	78.000	08/07/2026	78.800	1,03%	75.000-81.400	-5,77%
CTG	05/06/2026	33.900	08/07/2026	34.500	1,77%	33.250-34.750	-4,13%
DGW	05/06/2026	39.900	08/07/2026	39.450	-1,13%	37.450-42.000	-6,02%
SSI	05/06/2026	27.000	08/07/2026	27.200	0,74%	26.150-28.000	-5,56%
VPB	05/06/2026	26.450	08/07/2026	27.750	4,91%	25.600-28.100	-4,73%
GMD	05/06/2026	76.200	08/07/2026	77.400	1,57%	72.400-80.000	-5,51%
MBB	05/06/2026	25.000	08/07/2026	26.000	4,00%	24.550-26.150	-4,00%
VNINIDEX	05/06/2026	1.838,9	08/07/2026	1.853,7	0,80%	1.798-1.933	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 05/06 - 08/07					1,84%		-5,27%

HIỆU SUẤT DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 7+8+9.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 07.2026 *(*) MWG, CTG, MBB cổ tức tiền mặt lần lượt 1.000đ/cp, 450đ/cp, 1.000đ/cp, tỷ suất sinh lời đã loại 5% thuế; PVD cổ tức cổ phiếu 100:66,9.*

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ	% giảm so với giá dừng lỗ đề xuất
MWG*	08/07/2026	78.800	10/08/2026	73.000	-6,15%	61.540-77.700	-4,82%
CTG*	08/07/2026	34.500	10/08/2026	32.800	-3,69%	28.400-34.000	-4,35%
PHR	08/07/2026	63.800	10/08/2026	59.800	-6,27%	54.400-65.000	-5,17%
SSI	08/07/2026	27.200	10/08/2026	25.100	-7,72%	21.700-27.250	-4,41%
VPB	08/07/2026	27.750	10/08/2026	25.850	-6,85%	23.950-27.700	-4,50%
GMD	08/07/2026	77.400	10/08/2026	78.200	1,03%	67.000-82.000	-4,01%
MBB*	08/07/2026	26.000	10/08/2026	24.250	-3,08%	21.350-25.000	-3,08%
PVD*	08/07/2026	32.550	10/08/2026	18.250	-6,42%	17.350-20.700	-4,76%
VNINIDEX	08/07/2026	1.853,7	10/08/2026	1.776,8	-4.15%		
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 08/07 - 10/08					-4,89%		

Danh sách khuyến nghị tháng 08.2026 *(*) SSI và MBB có các ngày thực hiện quyền, tỷ suất sinh lời đã điều chỉnh*

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ
MWG	10/08/2026	73.000	04/09/2026	73.100	0,14%	71.200-75.900
CTG	10/08/2026	32.800	04/09/2026	31.400	-4,27%	30.900-32.800
POW	10/08/2026	13.850	04/09/2026	12.850	-7,22%	12.800-13.900
SSI*	**10/08/2026**	**25.100**	**04/09/2026**	**21.050**	**4,42%**	**19.400-21.750**
VPB	10/08/2026	25.850	04/09/2026	27.800	7,54%	24.500-27.900
GMD	10/08/2026	78.200	04/09/2026	77.400	-1,02%	76.400-81.300
MBB*	**10/08/2026**	**24.250**	**04/09/2026**	**20.550**	**1,73%**	**19.850-21.200**
BMP	10/08/2026	148.800	04/09/2026	143.000	-3,90%	142.800-150.900
VNINIDEX	10/08/2026	1.776,8	04/09/2026	1.853,1	4,29%	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 10/08 - 04/09					-0,32%	

Danh sách khuyến nghị tháng 09.2026 *(*) DHC và VPB có các ngày thực hiện quyền, tỷ suất sinh lời đã điều chỉnh*

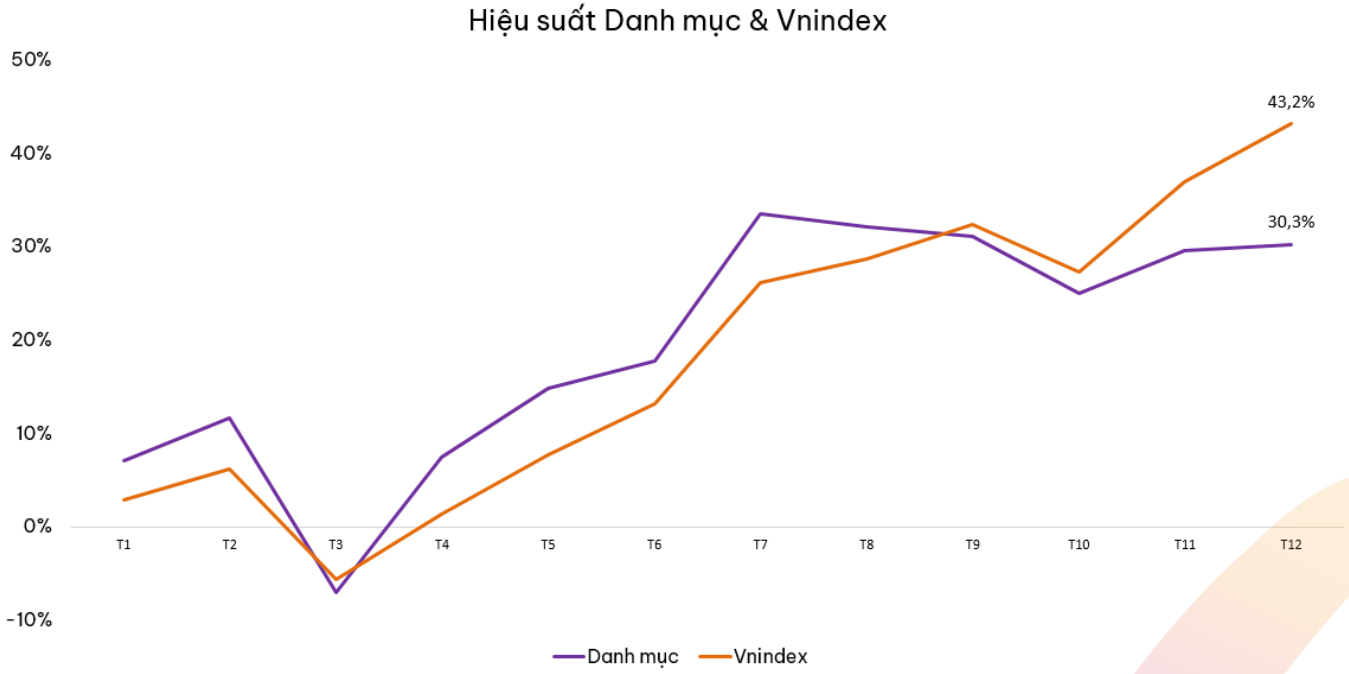
Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ
MWG	04/09/2026	73.100	05/10/2026	74.400	1,78%	68.600-74.400
CTG	04/09/2026	31.400	05/10/2026	29.650	-5,57%	29.600-31.700
DHC	04/09/2026	35.700	05/10/2026	38.550	10,64%	34.250-39.000
SSI	**04/09/2026**	**21.050**	**05/10/2026**	**19.650**	**-6,65%**	**19.600-21.650**
VPB	04/09/2026	27.800	05/10/2026	23.000	4,24%	21.300-23.600
GMD	04/09/2026	77.400	05/10/2026	77.800	0,52%	73.500-79.200
MBB	**04/09/2026**	**20.550**	**05/10/2026**	**19.150**	**-6,81%**	**19.100-20.600**
BMP	04/09/2026	143.000	05/10/2026	142.500	-0,35%	138.000-147.600
VNINDEX	04/09/2026	1.853,1	05/10/2026	1.753,2	-5,39%	
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 04/09 – 05/10					-0,28%	

HIỆU SUẤT DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THÁNG 10.2026

Danh sách khuyến nghị tháng 10.2026 *(*) MWG cổ tức 1000 đ/cp, GMD cổ tức 2:1, tỷ suất sinh lời đã điều chỉnh với cổ tức*

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa ngày khuyến nghị	Ngày chốt danh mục	Giá đóng cửa ngày chốt danh mục	Tỷ suất sinh lời	Biên độ giá biến động trong kỳ
MWG*	05/10/2026	74.400	09/11/2026	72.300	-1,55%	71.300 - 77.300
CTG	05/10/2026	29.650	09/11/2026	31.650	6,75%	28.850 - 31.950
DHC	05/10/2026	38.550	09/11/2026	36.400	-5,58%	35.000 - 39.850
DGW	05/10/2026	47.400	09/11/2026	38.700	-18,35%	38.100 - 48.900
VPB	05/10/2026	23.000	09/11/2026	22.250	-3,26%	21.100 - 24.950
GMD*	05/10/2026	77.800	09/11/2026	52.700	1,61%	49.050 - 57.900
MBB	05/10/2026	19.150	09/11/2026	19.300	0,78%	18.550 - 20.100
DXP	05/10/2026	14.500	09/11/2026	14.800	2,07%	14.100 - 16.500
VNINIDEX	05/10/2026	1.753,2	09/11/2026	1714,32	-2,22%	1.677,2 – 1.781,5
Tỷ suất sinh lời trung bình giai đoạn 05/10 - 09/11					-2,19%	

HIỆU SUẤT KHUYẾN NGHỊ DANH MỤC (2025)



(2025)	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
Danh mục	7,1%	4,6%	-18,7%	14,6%	7,3%	2,9%	15,9%	-1,4%	-1,0%	-6,1%	4,5%	0,7%
Vnindex	2,9%	3,4%	-11,9%	7,0%	6,4%	5,4%	13,0%	2,5%	3,7%	-5,1%	9,7%	6,1%

Danh mục khuyến nghị 2025, bắt đầu từ ngày 13/01/2025 và kết thúc chốt số tháng 12.2025 vào ngày 07/01/2026. Hiệu suất danh mục trong bảng được tính theo tháng. Tham khảo danh mục 12 tháng 2025:

Danh sách khuyến nghị tháng 1 (13/01)
Danh sách khuyến nghị tháng 2 (07/02)
Danh sách khuyến nghị tháng 3 (07/03)
Danh sách khuyến nghị tháng 4 (09/04)
Danh sách khuyến nghị tháng 5 (07/05)
Danh sách khuyến nghị tháng 6 (06/06)
Danh sách khuyến nghị tháng 7 (07/07)
Danh sách khuyến nghị tháng 8 (08/08)
Danh sách khuyến nghị tháng 9 (08/09)
Danh sách khuyến nghị tháng 10 (07/10)
Danh sách khuyến nghị tháng 11 (07/11)
Danh sách khuyến nghị tháng 12 (08/12)

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBanks) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBanks cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

- **Trụ sở chính:**

Địa chỉ: 62 - 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

- **Chi nhánh Sài Gòn:**

Địa chỉ: 60-70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

- **Chi nhánh Hà Nội:**

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 - 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyến cáo mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBanks) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBanks và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBanks thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBanks không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBanks. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBanks. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.